

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2017/HSST

Ngày: 27-7-2017

“Trộm cắp tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Công chức Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đính - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 đối với:

- *Bị cáo* Nguyễn Hùng P, sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã Mỹ H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nghề nghiệp: Không có.

Trình độ văn hóa: Lớp 4/12.

Cha: Nguyễn Văn P, sinh năm 1967; Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1967.

Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 19/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2015.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2017 cho đến nay (có mặt).

- *Người bị hại*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 49/4A, khu phố 3, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đào Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Hùng P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 28/3/2017, Nguyễn Hùng P điều khiển xe mô tô biển số 97F9 – 6028 chở Đào Văn T đi trộm tài sản không người trông giữ để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khi đến khu dân cư Phú Sinh thuộc Ấp Đức Hạnh 1, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì phát hiện có 01 xe lu biển số 50SA – 0964 của ông Nguyễn Văn D đang dừng không người trông giữ, P dừng xe lại, T giữ xe và cảnh giới cho P đi đến xe lu thấy trên xe có bình ắc quy, P dùng tay tháo dây điện nối với bình ắc quy rồi lấy bình ắc quy đem đến chỗ T để lên xe, sau đó P chở T đi tìm nơi tiêu thụ nhưng khi đến ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L thì bị Công an xã M đi tuần tra phát hiện và yêu cầu P và T về trụ sở làm việc, P và T thừa nhận hành vi của mình. Tang vật tạm giữ gồm: 01 bình ắc quy hiệu SB Battery N100, loại 12V 100AH; 01 xe mô tô biển số 97F9-6028.

Quá trình điều tra, P và T còn khai nhận trước đó vào lúc 11 giờ ngày 28/3/2017 P và T đã lấy trộm 03 con vịt trọng lượng 6kg của bà Nguyễn Thị V tại ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long A và 01 mô tơ điện tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh L nhưng không biết chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá số 16 ngày 03/4/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ thì giá trị 01 bình ắc quy hiệu SB Battery N100, loại 12V 100AH có giá trị là 1.155.000 đồng và 03 con vịt có trọng lượng 6kg là 300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 83/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố Nguyễn Hùng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hùng P, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng P với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô có số máy LC152FMH00095644, số khung NJ110200095671 không rõ nguồn gốc do bị cáo sử dụng và 01 biển số 97F9-6028 để tiêu hủy, buộc bị cáo Nguyễn Hùng P và anh Đào Văn T liên đới trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị V 300.000 đồng.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Đức Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hùng P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là do không có tiền tiêu xài nên cùng với T đi trộm tài sản của ông D, bà V để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài nhưng đang trên đường đi tiêu thụ thì bị Công an xã M phát hiện và bắt để điều tra, giá trị tài sản bị cáo và Đào Văn T chiếm đoạt của ông D là 1.155.000 đồng và của bà V là 300.000 đồng. Tổng cộng là 1.455.000 đồng.

Lời khai nhận này của bị cáo P phù hợp với những chứng cứ khách quan do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa thu thập: Biên bản về việc bắt người, biên bản ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản của ông D, bà V có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức hòa truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi do bị cáo P gây ra không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của ông D, bà V được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương, không an tâm trong cuộc sống. Bị cáo biết rõ xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Hùng P phạm tội “Trộm cắp tài sản” nên hành vi của bị cáo P phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo P có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nhưng do bị cáo có nhân thân xấu vì đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, do đó khi quyết định hình phạt cho bị cáo cũng cần cân nhắc.

Vì vậy Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo P với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Thế nhưng do tính chất nguy hiểm cho xã hội nên cũng cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho những người khác.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô có số máy LC152FMH00095644, số khung NJ110200095671 không rõ nguồn gốc do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. Đối với 01 biển số 97F9-6028 không do cơ quan có thẩm quyền cấp nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định điểm đ khoản 2 điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 bình ắc quy hiệu SB Battery N100, loại 12V 100AH mà bị cáo P và Đào Văn T trộm là tài sản hợp pháp của ông D, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông D xong, ông D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đề cập xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 03 con Vịt là 300.000 đồng, bị cáo P tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 300.000 đồng cho bà V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Đào Văn T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo P nhưng do giá trị tài sản mà T cùng với bị cáo P chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, T chưa có tiền án, tiền sự nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa không khởi tố Đào Văn T là đúng quy định.

Riêng hành vi bị cáo P và Đào Văn T trộm mô tô điện tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh L do không xác định được bị hại và cũng không thu hồi được mô tô nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng P 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 09/5/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hùng P 45 ngày (Bốn mươi lăm ngày) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Áp dụng điểm Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự: Tịch thu của bị cáo Nguyễn Hùng P 01 chiếc xe mô tô số, số máy LC152FMH00095644 số khung NJ110200095671 sung công quỹ Nhà nước và 01 biển số xe 97F9-6028 để tiêu hủy.

(Tất cả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tạm giữ theo “Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản” ngày 03/7/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 589, Điều 468 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hùng P phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị V 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bị cáo chậm thi hành số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Hùng P nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Công an huyện Đức Hòa;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Bị cáo và người TGGT khác;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Kim Thanh

